

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 22/2018/DS-ST

Ngày: 23/7/2018

V/v tranh chấp:
“Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Cường

Ông Nguyễn Thanh Dũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 và 23 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm đã thụ lý số 56/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-DS ngày 04/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Văn T**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Huỳnh Thị Bé P**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đặng Thị Hoài Th, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: số ..., Khu phố A, Phường A, thị xã C, tỉnh T.

- Anh T và chị P có mặt tại phiên tòa.

- Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện, Tờ tự khai cùng ngày 26/4/2019 nguyên đơn anh Trần Văn T xác định: Tôi và chị Huỳnh Thị Bé P là quen biết, nên tôi có cho P vay tiền nhiều lần như sau:

Ngày 18/9/2018 tôi có cho chị P vay số tiền vốn là 100.000.000đồng, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất vay 2%/tháng.

Cũng trong ngày 18/9/2018 tôi có cho chị P vay thêm số tiền vốn là 300.000.000đồng, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất vay 2%/tháng.

Ngày 18/10/2018 tôi có cho chị P vay số tiền vốn là 400.000.000đồng, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất vay 2%/tháng.

Ngày 16/12/2018 tôi có cho chị P vay số tiền vốn là 200.000.000đồng, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất vay 2%/tháng.

Cũng trong ngày 16/12/2018 tôi có cho chị P vay thêm số tiền vốn là 200.000.000đồng, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất vay 2%/tháng.

Cả 05 lần vay chị P đều có làm biên nhận và ký tên. Tổng cộng chị P vay số tiền vốn là 1.200.000.000đồng. Khi vay là do chị P trực tiếp hỏi vay, tôi giao và chị P nhận tiền tại nhà của tôi. Chị P có tự viết biên nhận và ký tên. Từ khi vay đến nay chị P không trả vốn lãi gì dù tôi có đòi nhiều lần. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Huỳnh Thị Bé P phải trả cho tôi số tiền vốn vay 1.200.000.000đồng, yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn 1.200.000.000đồng theo lãi suất pháp luật quy định tính từ ngày 16/12/2018 đến nay. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 01/7/2019 bị đơn chị Huỳnh Thị Bé P xác định: Theo đơn khởi kiện của ông T xác định tôi có vay của ông T số tiền 1.200.000.000đồng như ông T trình bày là không đúng sự thật. Cụ thể như sau:

Ngày 18/9/2018 tôi có vay số tiền vốn là 100.000.000đồng.

Ngày 16/12/2018 tôi có vay số tiền vốn là 200.000.000đồng.

Ngày 16/12/2018 tôi có viết biên nhận dùm bà Đặng Thị Hoài Th vay số tiền vốn là 100.000.000đồng, phần tiền này là do Đặng Thị Hoài Th vay, tôi không có vay.

Ngày 18/9/2018 tôi có viết giấy nợ vay số tiền vốn là 300.000.000đồng. Đến ngày 18/10/2018 giấy nhận nợ 300.000.000đồng này đổi thành số nợ 400.000.000đồng và tôi có làm biên nhận.

Như vậy tôi chỉ thiếu ông T số tiền là 700.000.000đồng.

- Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Hoài Th xác định: Tôi và chị Huỳnh Thị Bé P là bạn bè nên tôi có nhờ chị P vay dùm tôi số tiền là 200.000.000đồng, chị P hỏi vay dùm của ai cũng được, tôi không cần biết. Sau này tôi biết chị P vay dùm tôi phần tiền của anh T là 100.000.000đồng. Chị P trực tiếp hỏi vay, nhận tiền từ anh T và giao lại cho tôi là 50.000.000đồng, anh T giao cho tôi là 50.000.000đồng. Về thời gian vay tôi không nhớ rõ. Biên nhận do chị P viết với anh T, tôi không biết. Ngoài ra chị P cũng có hỏi vay dùm cho tôi của người khác số tiền là 100.000.000đồng, tôi không biết chủ nợ là ai. Như vậy tôi đã nhờ chị P vay dùm tiền tổng cộng là 200.000.000đồng. Sau này tôi nghe chị P nói là có ghi vào biên nhận nợ vay tiền của anh T 200.000.000đồng là vay dùm tôi. Việc chị P gặt nợ thêm 100.000.000đồng và ghi vào biên nhận cho anh T là khi đó tôi không biết.

Việc trả lãi thì tôi có trả cho anh T nhận 01 lần tiền lãi trên số tiền vốn là 100.000.000đồng, còn các lần trả lãi khác là tôi đưa cho chị P. Mức lãi 1.000.000đồng mỗi ngày là 10.000đồng, mức lãi này là do chị P nói với tôi và tôi cũng trả lãi cho chị P với mức lãi này. Nay số nợ này tôi sẽ trả cho anh T 200.000.000đồng, mỗi tháng trả từ 01 đến 02 triệu đồng.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Trần Văn T yêu cầu chị Huỳnh Thị Bé P phải trả cho anh tiền vốn vay còn nợ là 1.130.000.000đồng, vì chị P đã trả được 70.000.000đồng tiền vốn (gồm trả tiền mặt là 20.000.000đồng và chuyển trả qua

Ngân hàng là 50.000.000đồng), yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn 1.130.000.000đồng theo lãi suất pháp luật quy định tính từ ngày 16/12/2018 đến nay. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị Bé P thừa nhận có vay của anh T số tiền vốn là 1.200.000.000đồng, đã trả cho anh T 270.000.000đồng tiền vốn (gồm trả tiền mặt là 20.000.000đồng và chuyển trả qua Ngân hàng là 250.000.000đồng), trừ khoản nợ 200.000.000đồng vay ngày 16/12/2019 là của Đặng Thị Hoài Th có nghĩa vụ trả. Vì vậy chỉ đồng ý trả cho anh T số tiền vốn còn lại là 730.000.000đồng, xin miễn trả lãi. Yêu cầu được trả trong hạn 10 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của anh Trần Văn T tại phiên tòa, thì anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết buộc chị Huỳnh Thị Bé P phải trả cho anh số tiền vốn vay chưa trả là 1.130.000.000đồng và tiền lãi. Chị Huỳnh Thị Bé P hiện cư trú tại Khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và điều 463 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Hoài Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ, nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Hoài Th.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, anh Trần văn T yêu cầu chị Huỳnh Thị Bé P phải trả cho anh số tiền vốn vay là 1.130.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Trần văn T là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Do quen biết nên anh T có cho chị P vay tiền nhiều lần như sau: Ngày 18/9/2018 chị P vay số tiền vốn là 100.000.000đồng; Cũng trong ngày 18/9/2018 chị P vay thêm số tiền vốn là 300.000.000đồng; Ngày 18/10/2018 chị P vay số tiền vốn là 400.000.000đồng; Ngày 16/12/2018 chị P vay số tiền vốn là 200.000.000đồng; Cũng trong ngày 16/12/2018 chị P vay thêm số tiền vốn là 200.000.000đồng. Tổng cộng anh T cho chị P vay số tiền vốn là 1.200.000.000đồng. Các lần vay chị Phúc có làm biên nhận và hẹn 30 ngày sau sẽ trả, lãi suất vay 2%/tháng. **Tại phiên tòa hôm nay chị P thừa nhận có vay của anh T số tiền 1.200.000.000đồng như anh T trình bày.**

Như vậy có cơ sở xác định chị P có vay của anh T 1.200.000.000 đồng tiền vốn là đúng sự thật. Anh T xác định sau khi vay chị P không có trả lãi và có trả vốn được 70.000.000đồng tiền vốn (gồm trả tiền mặt là 20.000.000đồng và chuyển trả qua Ngân hàng là 50.000.000đồng), còn lại không thực hiện trả theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp và anh T khởi kiện yêu cầu chị P trả 1.130.000.000đồng. Chị P cho rằng chị đã trả cho anh T 270.000.000đồng tiền vốn (gồm trả tiền mặt là 20.000.000đồng và chuyển trả qua Ngân hàng là 250.000.000đồng), trừ khoản nợ 200.000.000đồng vay ngày 16/12/2019 là của Đặng Thị Hoài Th có nghĩa vụ trả. Vì vậy chị chỉ đồng ý trả cho anh T số tiền vốn còn lại là 730.000.000đồng.

Xét thấy lời khai của chị P cho rằng đã trả cho anh T 270.000.000 đồng tiền vốn là chỉ có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, bởi lẽ:

[2.1] Tại phiên tòa hai bên khai thống nhất khoản tiền chị P đã trả cho anh T nhận 70.000.000 đồng tiền vốn (gồm trả tiền mặt là 20.000.000 đồng và chuyển trả qua Ngân hàng là 50.000.000 đồng), anh T thừa nhận đã nhận 70.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào tiền vốn vay là phù hợp, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Đối với số tiền chị P cho rằng đã trả 200.000.000 đồng cho anh T bằng hình thức chuyển qua Ngân hàng, chị P có cung cấp tại phiên tòa 01 giấy chuyển tiền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày 15/10/2018 và 01 giấy chuyển tiền của Ngân hàng Bưu điện liên Việt ngày 11/12/2018. Nội dung 02 giấy chuyển tiền này là chị P chuyển cho anh T 02 lần tiền, mỗi lần là 100.000.000 đồng. Chị P cho rằng giấy chuyển tiền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày 15/10/2018 là chị chuyển trả cho *khoản nợ ngày 18/9/2018*, do chưa tới hạn nên chị chuyển trả trước 03 ngày là ngày 15/10/2018 (đến hạn trả 18/10/2018); còn giấy chuyển tiền của Ngân hàng Bưu điện liên Việt ngày 11/12/2018 là chị chuyển trả cho khoản nợ ngày 18/10/2018. Anh T thừa nhận có nhận của chị P chuyển số tiền 200.000.000 đồng như trên, nhưng anh xác định ngoài những khoản nợ mà anh đã liệt kê để khởi kiện chị P, thì chị P còn nợ anh những khoản nợ khác, chị P chuyển tiền là để trả cho những khoản nợ khác này, hai bên đã thanh toán xong nên anh không đề cập trong vụ kiện. Anh T có cung cấp cho Tòa án thêm 02 giấy biên nhận gồm giấy biên nhận ngày 06/8/2018 chị P nợ anh số tiền 100.000.000 đồng và giấy biên nhận ngày 18/9/2018 chị P nợ anh số tiền 100.000.000 đồng, hẹn ngày **18/10/2018** sẽ trả và xác định chị P chuyển trả cho anh số tiền 200.000.000 đồng này là chuyển trả cho 02 khoản nợ của 02 biên nhận nợ này. Lời khai này của anh T là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của chị P về việc là chị chuyển trả cho khoản nợ ngày 18/9/2018, do chưa tới hạn nên chị chuyển trả trước 03 ngày là ngày 15/10/2018 (đến hạn trả 18/10/2018) *vì theo giấy biên nhận nợ do anh T cung cấp xác định đã chuyển trả xong là cũng ghi đến ngày 18/10/2018 hoàn trả*. Xét thấy giấy chuyển tiền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày 15/10/2018 do chị P cung cấp chỉ ghi nội dung là "**chuyển khoản**", chứ không ghi nội dung chuyển tiền cho anh T 100.000.000 đồng là nhằm vào mục đích gì và giấy chuyển tiền của Ngân hàng Bưu điện liên Việt ngày 11/12/2018 do chị P cung cấp chỉ ghi nội dung là "**nộp tiền**" cũng không ghi nội dung chuyển tiền cho anh T 100.000.000 đồng là nhằm vào mục đích gì. Như vậy có cơ sở xác định việc chị P chuyển trả tiền cho anh T bằng 01 giấy chuyển tiền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày 15/10/2018 và 01 giấy chuyển tiền của Ngân hàng Bưu điện liên Việt ngày 11/12/2018 **là đã trả cho khoản nợ giấy biên nhận ngày 06/8/2018 chị P nợ anh T số tiền 100.000.000 đồng và giấy biên nhận ngày 18/9/2018 chị P nợ anh T số tiền 100.000.000 đồng do anh T cung cấp**. Hai bên đã thanh toán xong, không có liên quan đến số tiền nợ vay 1.200.000.000 đồng mà chị P đã vay của anh T đang có tranh chấp, nên không chấp nhận lời khai này của chị P.

[2.3] Đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng ngày 16/12/2018 chị P cho rằng là của chị Đặng Thị Hoài Th có nghĩa vụ trả cho anh T, anh T không đồng ý vì cho rằng khoản tiền vay này là do chị P trực tiếp hỏi vay và nhận tiền, làm biên nhận. Xét thấy theo giấy biên nhận nợ ngày ngày 16/12/2018 thì thể hiện chị P vay và nhận tiền của anh T 200.000.000đồng, khi ký tên chị P ghi thêm chữ "lấy dùm hoài thương", chị P thừa nhận biên nhận là do chị viết và ký tên. Anh T xác định chị P là người trực tiếp hỏi vay và nhận tiền vì vậy chị P phải có nghĩa vụ trả tiền cho anh. Lời khai của chị Hoài Th xác định "tôi có nhờ chị P vay dùm số tiền là 200.000.000đồng, chị P hỏi vay dùm của ai cũng được, tôi không cần biết. Sau này tôi biết chị P vay dùm tôi phần tiền của anh T là 100.000.000đồng. Chị P trực tiếp hỏi vay, nhận tiền từ anh T và giao lại cho tôi là 50.000.000đồng, anh T giao cho tôi là 50.000.000đồng. Về thời gian vay tôi không nhớ rõ. Biên nhận do chị P viết với anh T, tôi không biết. Ngoài ra chị P cũng có hỏi vay dùm tôi của người khác số tiền là 100.000.000đồng, tôi không biết chủ nợ là ai. Như vậy tôi đã nhờ chị P vay dùm tiền tổng cộng là 200.000.000đồng. Sau này tôi nghe chị P nói là có ghi vào biên nhận nợ vay tiền của anh T 200.000.000đồng là vay dùm tôi. Việc chị P gặt nợ thêm 100.000.000đồng và ghi vào biên nhận cho anh T là khi đó tôi không biết". Từ đó cho thấy lời khai nại của chị P cho rằng khoản tiền 200.000.000đồng này là do chị Th vay của anh T là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó có cơ sở xác định đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng ngày 16/12/2018 **là được xác lập trực tiếp giữa anh T và chị P**. Vì vậy chị P phải có nghĩa vụ trả cho anh T là phù hợp.

[2.4] Do đó có cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa anh T và chị P đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng anh T cho rằng từ khi vay đến nay chị P chỉ có trả 70.000.000đồng và còn nợ tiền vốn là 1.130.000.000 đồng, lời khai của anh T phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như các giấy biên nhận vào ngày 18/9/2018 (02 giấy), ngày 18/10/2018 và ngày 16/12/2018 (02 giấy) do chị P viết và ký tên, nên có căn cứ xác định chị P có vay của anh T 05 lần với số tiền vốn tổng cộng là 1.200.000.000đồng, đã trả được 70.000.000đồng đến nay còn nợ 1.130.000.000 đồng như anh T đã xác định là đúng. Vì vậy anh T khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị Huỳnh Thị Bé P phải trả cho anh Trần văn T số tiền vốn vay là **1.130.000.000đồng** theo yêu cầu của anh T tại phiên tòa là phù hợp với điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa hôm nay anh T yêu cầu chị P phải trả lãi trên số tiền vốn 1.130.000.000đồng đồng tính từ ngày 16/12/2018 đến nay theo mức lãi suất mà pháp luật qui định. Hội đồng xét xử xét thấy khi vay chị P có thỏa thuận trả lãi 02%/tháng, trả lãi hàng tháng và hẹn đến ngày trả vốn (30 ngày sau khi vay) thì chị sẽ trả tiền vốn cùng tiền lãi. Tuy nhiên đến hạn chị P không có trả vốn lãi cho anh T theo thỏa thuận nên chị P phải có nghĩa vụ trả lãi cho anh T là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của anh T. Theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự thì bên có nghĩa vụ trả tiền mà chậm trả thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được qui định tại điều 468 của Bộ luật dân sự. Theo qui định tại điều 468 của Bộ luật dân

sự thì mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Do đó anh T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất mà pháp luật qui định là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận. Do anh T và chị Phúc có thỏa thuận về việc trả lãi nên áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự. Theo quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất sẽ là 1,67%/tháng. Thời gian chị P chậm trả từ ngày 16/12/2018 đến nay là 07 tháng, số tiền lãi được tính như sau: $1.130.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\% \times 7 \text{ tháng} = 132.097.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn lãi sẽ là: $1.130.000.000 \text{ đồng} + 132.097.000 \text{ đồng} = \mathbf{1.262.097.000 \text{ đồng}}$.

[4] Về thời gian trả: Tại phiên Tòa hôm nay anh T yêu cầu chị P phải trả cho anh số tiền vốn lãi một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy chị P đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Anh T đã yêu cầu chị P trả tiền nhiều lần nhưng chị P vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho anh T. Chị P xin trả dần trong hạn 10 tháng nhưng không được anh T chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử buộc chị P phải có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền vốn và lãi **1.262.097.000 đồng** theo thời gian yêu cầu của anh T là phù hợp.

[5] Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ngày 03/5/2019 Tòa án có ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2019/QĐ-BPKCTT với nội dung: Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Khoản 11 Điều 114 và Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự: Phong tỏa quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị Bé P, gồm thửa đất sau: Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 32, diện tích 159,04m², loại đất ODT, do bà Huỳnh Thị Bé P đang đứng tên quyền sử dụng đất, do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước cấp ngày 10/02/2012, số giấy CH00320; tọa lạc tại Khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh T.

Xét thấy các bên chưa thực hiện xong nghĩa vụ giao trả nợ, để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và thi hành án Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2019/QĐ-BPKCTT ngày 03/5/2019 của Tòa án. Việc thay đổi, áp dụng bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2019/QĐ-BPKCTT ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước sẽ được thực hiện theo quy định tại điều 137, 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Bị đơn chị Huỳnh Thị Bé P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468, khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T.

- Buộc chị Huỳnh Thị Bé P phải trả cho anh Trần Văn T số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là **1.262.097.000đồng** (một tỷ, hai trăm sáu mươi hai triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Việc thay đổi, áp dụng bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2019/QĐ-BPKCTT ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước sẽ được thực hiện theo quy định tại điều 137, 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

- Chị Huỳnh Thị Bé P phải chịu 49.862.910 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho anh Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 19799 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Tân Phước.
- Chi Cục THADS huyện Tân Phước.
- Các đương sự:
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

NGUYỄN CHÍ KHANH

